

## **CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 46

# CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, tên giao dịch quốc tế Dau Tieng Rubber Corporation; tên gọi tắt là DRC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### 1. Thông tin chung

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Dầu Tiếng là Công ty TNHH Một thành viên trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 152-NN-TCCB/QĐ ngày 04/03/1993 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 3283/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn v/v chuyển Công ty Cao su Dầu Tiếng thành Công ty TNHH Một thành viên Cao su Dầu Tiếng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đăng ký lần đầu số 3700146377 ngày 31/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/05/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Trụ sở chính : Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 02743 520 878
- Fax : 02743 520 606

### 2. Các thành viên của Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Hưng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19/04/2021
Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/04/2021
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên	

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Thành Phước	KSV chuyên trách
Ông Nguyễn Đức Hiền	KSV kiêm nhiệm
Bà Trần Ngọc Diễm	KSV kiêm nhiệm

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trường Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thiện Sinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/02/2021

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Nguyễn Quốc Việt - Tổng Giám đốc (sinh ngày 24/07/1962; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 280543572 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2017; Địa chỉ thường trú: Số 59, đường Đồng Khởi, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: Số 59, đường Đồng Khởi, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam).
- Bà Huỳnh Thị Cẩm Hồng - Chủ tịch Hội đồng thành viên (sinh ngày 07/06/1976; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 280666183 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/07/2017; Địa chỉ thường trú: Khu phố 7, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; Chỗ ở hiện tại: Khu phố 7, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, Việt Nam).

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh tổng hợp giữa niên độ**

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế thực hiện soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty.

### **6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động tổng hợp của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Việt

Tổng Giám đốc

Bình Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2021

Số: 1006/2021/BCTC/IAV

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 07 năm 2021, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**DƯƠNG VĂN THIỆU**

**Phó Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5353 - 2020 - 283 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2021

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>460.167.340.405</b>	<b>551.373.987.260</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>121.173.918.861</b>	<b>221.626.904.994</b>
1. Tiền	111		80.272.103.686	136.185.861.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.901.815.175	85.441.043.886
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.820.614.590</b>	<b>169.451.988.958</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	53.549.558.774	94.377.863.513
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.372.517.604	3.057.691.416
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	10.898.538.212	72.016.434.029
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>260.850.576.981</b>	<b>160.192.329.281</b>
1. Hàng tồn kho	141		260.901.633.101	160.243.385.401
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.056.120)	(51.056.120)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.322.229.973</b>	<b>102.764.027</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.054.269.332	102.764.027
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	6.267.960.641	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.088.685.971.719</b>	<b>3.076.582.395.068</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.530.891.911</b>	<b>22.530.891.911</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	22.530.891.911	22.530.891.911
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.116.151.992.510</b>	<b>1.059.462.112.949</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.111.681.200.996	1.058.336.395.115
- Nguyên giá	222		1.950.925.277.004	1.877.789.974.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(839.244.076.008)	(819.453.579.697)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	4.470.791.514	1.125.717.834
- Nguyên giá	228		7.907.466.445	4.299.616.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.436.674.931)	(3.173.898.312)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>427.441.875.891</b>	<b>483.509.889.032</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	427.441.875.891	483.509.889.032
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>1.506.860.962.474</b>	<b>1.499.845.962.474</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		907.868.306.225	900.853.306.225
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		368.345.953.553	368.345.953.553
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		268.838.518.515	268.838.518.515
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.191.815.819)	(38.191.815.819)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.700.248.933</b>	<b>11.233.538.702</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	15.700.248.933	11.233.538.702
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.548.853.312.124</b>	<b>3.627.956.382.328</b>



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>952.684.941.611</b>	<b>1.046.624.230.412</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>398.557.117.475</b>	<b>509.849.033.525</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	31.253.878.766	29.414.753.698
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	24.724.692.539	16.661.990.506
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	12.418.976.232	22.871.206.815
4. Phải trả người lao động	314		52.921.102.938	133.550.200.198
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	7.223.225.072	1.283.670.843
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15.1	8.264.307.942	2.270.525.149
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	98.515.641.482	118.889.430.758
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	89.322.612.170	55.823.120.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		73.912.680.334	129.084.135.558
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>554.127.824.136</b>	<b>536.775.196.887</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.15.2	1.407.843.668	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	127.777.655.287	111.322.462.808
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	362.824.143.575	362.824.143.575
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		62.118.181.606	62.628.590.504
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.596.168.370.513</b>	<b>2.581.332.151.916</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>2.592.895.312.763</b>	<b>2.577.828.898.916</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.530.772.124.994	2.530.772.124.994
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.123.187.769	47.056.773.922
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.056.773.922	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.066.413.847	47.056.773.922
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.273.057.750</b>	<b>3.503.253.000</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.20	3.273.057.750	3.503.253.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.548.853.312.124</b>	<b>3.627.956.382.328</b>



Người lập biểu  
Trần Ngọc Diễm

Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 07 năm 2021



Kế toán trưởng  
Hồng Chí Bình



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Quốc Việt

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	530.558.361.680	401.820.230.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	578.383.128	914.965.460
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>529.979.978.552</b>	<b>400.905.264.807</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	432.570.878.525	375.689.804.657
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>97.409.100.027</b>	<b>25.215.460.150</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.175.977.404	11.703.240.454
7. Chi phí tài chính	22	6.5	10.752.792.320	2.936.412.065
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.451.957.069	2.495.241.240
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	3.923.686.175	4.379.178.497
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	36.753.789.023	39.757.532.333
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>49.154.809.913</b>	<b>(10.154.422.291)</b>
11. Thu nhập khác	31	6.8	42.591.007.153	113.592.630.646
12. Chi phí khác	32	6.9	1.409.342.218	7.567.253.029
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>41.181.664.935</b>	<b>106.025.377.617</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>90.336.474.848</b>	<b>95.870.955.326</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	16.044.853.725	18.574.410.409
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>74.291.621.123</b>	<b>77.296.544.917</b>

\_\_\_\_\_  
 Người lập biểu  
 Trần Ngọc Diễm

Bình Dương, Việt Nam  
 Ngày 30 tháng 07 năm 2021

\_\_\_\_\_  
 Kế toán trưởng  
 Hồng Chí Bình

\_\_\_\_\_  
 Tổng Giám đốc  
 Nguyễn Quốc Việt



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo phương pháp trực tiếp

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 03 - DN

Chi tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	608.969.270.371	471.852.280.655
vụ	02	(340.813.256.835)	(192.312.764.882)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(233.832.039.898)	(228.711.149.276)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(10.552.268.841)	(2.334.580.433)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(21.686.559.334)	(37.812.436.166)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	50.472.125.541	101.040.484.076
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(240.644.862.906)	(273.834.192.417)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(188.087.591.902)</b>	<b>(162.112.358.443)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.657.636.456)	(12.691.332.765)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	34.918.383.165	116.656.239.300
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.515.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.389.366.890	7.118.234.882
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.135.113.599</b>	<b>103.083.141.417</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.411.052.170	198.066.724.912
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(77.911.560.000)	(120.336.929.722)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	50.000.000.000	(223.348.459.743)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>83.499.492.170</b>	<b>(145.618.664.553)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(100.452.986.133)</b>	<b>(204.647.881.579)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>221.626.904.994</b>	<b>302.728.486.846</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>121.173.918.861</b>	<b>98.080.605.267</b>



Người lập biểu  
Trần Ngọc Diễm  
Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 07 năm 2021



Kế toán trưởng  
Hồng Chí Bình



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Quốc Việt

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Dầu Tiếng là Công ty TNHH Một thành viên trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 152-NN-TCCB/QĐ ngày 04/03/1993 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 3283/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn v/v chuyển Công ty Cao su Dầu Tiếng thành Công ty TNHH Một thành viên Cao su Dầu Tiếng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên đăng ký lần đầu số 3700146377 ngày 31/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/05/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.530.772.124.994 VND (Hai nghìn năm trăm ba mươi tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su (Chi tiết: Trồng, chăm sóc khai thác mủ, gỗ, củi cao su); Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: chế biến và kinh doanh mủ cao su); Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (Chi tiết: trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻ bện (Chi tiết: sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ (bao gồm cả gỗ nguyên liệu và gỗ thành phẩm)); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su và cây rừng trồng); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su, nguyên phụ liệu ngành công nghiệp cao su, vật tư nông nghiệp); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Cơ khí: đúc, cán thép; sửa chữa, lắp ráp, chế tạo và kinh doanh các sản phẩm cơ khí và thiết bị công nghiệp khác); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trồng cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương)); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng (Chi tiết: Hoạt động tài chính, tín dụng và dịch vụ tài chính); Sản xuất điện (Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật; sản xuất điện năng lượng mặt trời); Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: vận tải đường bộ); Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Chi tiết: Đầu tư phát triển, tổ chức quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường thủy); Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp. Công nghiệp sản xuất); Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Cấp nước); Thoát nước và xử lý nước thải (Chi tiết: xử lý nước thải); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: đo đạc, bản đồ, kiểm định, giám định hàng hóa); Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Chi tiết: tin học); In ấn; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: khách sạn); Đại lý du lịch (Chi tiết: dịch vụ du lịch); Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: dịch vụ xuất khẩu lao động); Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi gia súc); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: dịch vụ khoa học công nghệ, xuất bản; thương mại. Dịch vụ trong bảo vệ môi trường; tư vấn về nông học); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo quy định của pháp luật); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: sản xuất kinh doanh: vật liệu xây dựng, vật tư nông nghiệp); Hoạt động

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Mẫu số B 09 - DN**

hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán)); Trồng cây ăn quả; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây hàng năm khác; Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Chế biến và bảo quản rau quả; Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Chi tiết: Sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ); Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các Công ty con**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Kratie	Thành lập tại tỉnh Bình Dương, Hoạt động tại Vương quốc Campuchia	Chế biến mủ cao su, xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, trồng chăm sóc khai thác cây công nghiệp, nông nghiệp và cây giống	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Campuchia	Thành lập tại tỉnh Bình Dương, Hoạt động tại Vương quốc Campuchia	Trồng, chăm sóc, khai thác cây công nghiệp, chế biến mủ cao su	55,18%	55,18%
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Khai hoang, trồng, chăm sóc rừng cây cao su	70,28%	70,28%
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Lai Châu	Tỉnh Lai Châu	Trồng, chăm sóc rừng cao su	97,63%	97,63%
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	Trồng rừng, khai thác gỗ, hoạt động dịch vụ lâm nghiệp, chế biến gỗ, sản xuất ván, bán buôn	61,00%	61,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, sửa chữa lắp đặt máy móc và thiết bị chế biến mủ cao su, sản xuất gia công các sản phẩm cơ khí	53,54%	53,54%
Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản, khai thác xử lý nước thải, thu gom rác thải không độc thải	51,00%	51,00%

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**Các Công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	Trồng và chăm sóc rừng, mua bán mủ cao su	49,00%	49,00%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nông trường Đoàn Văn Tiến	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Trần Văn Lưu	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Minh Hòa	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Minh Tân	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Long Hòa	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Long Tân	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Thanh An	Tỉnh Bình Dương
Nông trường Bến Súc	Tỉnh Bình Dương
Nông trường An Lập	Tỉnh Bình Dương
Nhà máy Chế biến mủ Bến Súc	Tỉnh Bình Dương
Nhà máy Chế biến mủ Long Hòa	Tỉnh Bình Dương
Nhà máy Chế biến mủ Phú Bình	Tỉnh Bình Dương
Bệnh viện Đa khoa Cao su Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Dầu Tiếng - Unifarm Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 4.370 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 4.922 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

##### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - (i) 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - (ii) 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - (iii) 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - (iv) 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05 - 10
TSCĐ vô hình khác	05

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh*****Tài sản đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

#### **Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
  - Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
  - Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.13 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

#### 4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định tại Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính Phủ và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp.

#### 4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

#### **Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **4.18 Giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.20 Chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

#### 4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 4.23 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.24 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.009.523.159	10.234.517.266
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.262.580.527	125.951.343.842
Các khoản tương đương tiền (i)	40.901.815.175	85.441.043.886
<b>Cộng</b>	<b>121.173.918.861</b>	<b>221.626.904.994</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 01 tháng tại các Ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất từ 3%/năm.

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>2.037.076.746</b>	<b>23.745.270.790</b>
Công ty Cổ Phần VRG Khải Hoàn	-	23.745.270.790
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.648.723.281	-
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	388.353.465	-
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>51.512.482.028</b>	<b>70.632.592.723</b>
Công ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	-	13.258.535.834
New Continent Enterprises Pte	2.025.408.672	17.319.833.396
Saha Para Rubber Co.,Ltd	9.857.433.600	4.553.998.289
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp U&I	2.693.515.000	-
Weber & Schaer Gmbh & Co	8.060.545.932	9.147.211.182
Phải thu khách hàng khác	28.875.578.824	26.353.014.022
<b>Cộng</b>	<b>53.549.558.774</b>	<b>94.377.863.513</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>6.372.517.604</b>	<b>3.057.691.416</b>
Viện Nghiên Cứu và Phát Triển Lâm Nghiệp Nhiệt Đới	-	1.258.413.000
Công Ty TNHH Ô Tô Phát Tài	-	541.530.000
Công ty TNHH Hoàng Kim Thịnh	969.129.480	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	5.403.388.124	1.257.748.416
<b>Cộng</b>	<b>6.372.517.604</b>	<b>3.057.691.416</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.4 Phải thu khác****5.4.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>4.031.422.648</b>	-	<b>63.862.690.866</b>	-
Phải thu Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lai Châu về cho mượn vốn	2.000.000.000	-	-	-
Phải thu Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai về cho mượn vốn	-	-	1.500.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I về tiền ứng vốn	2.031.422.648	-	2.031.422.648	-
Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần về Lợi nhuận tập trung	-	-	60.331.268.218	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.867.115.564</b>	-	<b>8.153.743.163</b>	-
Tạm ứng	815.150.611	-	1.067.590.658	-
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	109.048.927	-	269.768.310	-
Phải thu công đoàn	-	-	15.857.750	-
Phải thu về Bảo hiểm NLĐ	3.008.667.710	-	3.223.883.984	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.001.168.147	-	2.001.168.147	-
Các khoản phải thu tại Bệnh viện Cty	95.995.945	-	118.334.137	-
Các khoản phải thu tại dự án Unifarm	90.431.707	-	-	-
Phải thu Ban quản lý dự án Unifarm	57.750.000	-	26.250.000	-
Phải thu về các đơn vị vay Quỹ Khen thưởng phúc lợi	633.941.165	-	1.175.663.844	-
Phải thu CBCNV về tiền ứng trừ lương để đóng học phí cho con đi học	-	-	198.750.000	-
Phải thu khác	24.961.352	-	26.476.333	-
<b>Cộng</b>	<b>10.898.538.212</b>	-	<b>72.016.434.029</b>	-

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.4.2. Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		-		-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>22.530.891.911</b>	-	<b>22.530.891.911</b>	-
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I (i)	15.300.000.000	-	15.300.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	7.230.891.911	-	7.230.891.911	-
<b>Cộng</b>	<b>22.530.891.911</b>	-	<b>22.530.891.911</b>	-

(i) Là khoản tiền góp vốn để triển khai dự án Hợp tác kinh doanh đầu tư trồng chuỗi cây mô ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Thanh An, xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/2016/HĐ/U&I-CSDT ngày 01/01/2016. Tổng diện tích quy hoạch: 117,08 ha; Thời gian thực hiện dự án: 10 năm; Cơ cấu vốn hợp tác kinh doanh bao gồm: Vốn góp là 30.000.000.0000 đồng (Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng góp 51% tương đương 15.300.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Nông nghiệp U&I góp 49% tương đương 14.700.000.000 đồng) và vốn vay là 19.817.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2019, Công ty đã góp đủ phần vốn hợp tác kinh doanh theo thỏa thuận là 15.300.000.000 đồng.

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	32.730.380.906	-	7.603.420.971	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.956.637.997	-	2.708.912.900	-
Chi phí SXKD dở dang	44.178.633.474	-	71.262.508.756	-
Thành phẩm tồn kho	166.975.544.886	(51.056.120)	69.956.176.328	(51.056.120)
Hàng hóa tồn kho	9.060.435.838	-	8.712.366.446	-
<b>Cộng</b>	<b>260.901.633.101</b>	<b>(51.056.120)</b>	<b>160.243.385.401</b>	<b>(51.056.120)</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quân lý		Vườn cây kinh doanh		TSCĐ hữu hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>														
01/01/2021	407.252.404.010	169.996.715.561	73.633.154.044	22.459.758.974	1.203.681.940.900	766.001.323	1.877.789.974.812							
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.473.672.118		135.000.000	76.351.210.616		76.351.210.616							76.351.210.616
- Mua trong kỳ			(2.448.246.155)		(4.376.334.387)		3.608.672.118							3.608.672.118
- Thanh lý, nhượng bán														(6.824.580.542)
- Tặng/Giảm do trình bày lại	76.022.155	249.550.141	(76.022.155)	516.451.182		(766.001.323)	-							-
30/06/2021	407.328.426.165	173.719.937.820	71.108.885.734	23.111.210.156	1.275.656.817.129	-	1.950.925.277.004							
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>														
01/01/2021	341.416.636.390	157.051.799.688	64.525.239.928	21.421.487.407	234.388.098.768	650.317.516	819.453.579.697							
- Khấu hao trong kỳ	7.177.774.143	1.308.923.288	1.462.947.790	252.656.503	15.853.432.976	-	26.055.734.700							
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.448.246.155)	-	(3.816.992.234)		(6.265.238.389)							
- Tặng/Giảm do trình bày lại		254.704.923		395.612.593		(650.317.516)	-							
30/06/2021	348.594.410.533	158.615.427.899	63.539.941.563	22.069.756.503	246.424.539.510	-	839.244.076.008							
<b>Giá trị còn lại</b>														
- Tại ngày 01/01/2021	65.835.767.620	12.944.915.873	9.107.914.116	1.038.271.567	969.293.842.132	115.683.807	1.058.336.395.115							
- Tại ngày 30/06/2021	58.734.015.632	15.104.509.921	7.568.944.171	1.041.453.653	1.029.232.277.619	-	1.111.681.200.996							
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:														
- Tại ngày 01/01/2021	231.039.538.743	149.577.065.191	43.675.827.643	20.462.510.153	6.882.577.207	396.650.000	452.034.168.937							
- Tại ngày 30/06/2021	234.269.400.140	149.775.994.282	57.805.478.007	20.782.240.153	6.046.101.654	-	468.679.214.236							

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.838.466.962	461.149.184	4.299.616.146
- Mua trong năm		3.607.850.299	3.607.850.299
- Đầu tư XD CB hoàn thành			-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
Số dư tại ngày 30/06/2021	<u>3.838.466.962</u>	<u>4.068.999.483</u>	<u>7.907.466.445</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.722.334.427	451.563.885	3.173.898.312
- Khấu hao trong năm	68.943.750	193.832.869	262.776.619
- Tăng khác			-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
Số dư tại ngày 30/06/2021	<u>2.791.278.177</u>	<u>645.396.754</u>	<u>3.436.674.931</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày 01/01/2021	1.116.132.535	9.585.299	1.125.717.834
- Tại ngày 30/06/2021	<u>1.047.188.785</u>	<u>3.423.602.729</u>	<u>4.470.791.514</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
- Tại ngày 01/01/2021	2.547.541.146	250.000.000	2.797.541.146
- Tại ngày 30/06/2021	<u>2.547.541.146</u>	<u>423.200.000</u>	<u>2.970.741.146</u>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>- Vườn cây kiến thiết cơ bản</b>	<b>409.504.445.461</b>	<b>474.152.232.548</b>
Vườn cây KTCB năm 2014	1.925.768.013	54.577.393.767
Vườn cây KTCB năm 2015	108.067.508.712	129.804.876.449
Vườn cây KTCB năm 2016	125.226.933.645	122.030.370.286
Vườn cây KTCB năm 2017	57.091.873.881	55.741.519.592
Vườn cây KTCB năm 2018	74.435.049.748	71.519.865.250
Vườn cây KTCB năm 2019	28.821.825.959	27.841.467.473
Vườn cây KTCB năm 2020	13.255.588.035	12.636.739.731
Trồng tái canh cây cao su năm 2021	679.897.468	-
<b>- Đầu tư Xây dựng cơ bản</b>	<b>1.282.130.909</b>	<b>1.319.210.107</b>
Nhà thi đấu đa năng thể thao văn hóa	1.021.236.000	1.021.236.000
HT tưới nước tiết kiệm-Khu vực trung tâm văn hóa thể thao	43.000.000	43.000.000
Công trình đầu tư mở rộng NMPB xây dựng dây chuyền mù cốm, sản xuất túi thảm PE	96.683.636	96.683.636
Công trình đầu tư mở rộng NMPB xây dựng dây chuyền mù ly tâm và Skimblock	98.917.273	98.917.273
Chi phí xây dựng lán trại CN Lô 48A NT Bến Súc	22.294.000	22.294.000
Rào kẽm gai khu vực trồng mới các NT	-	37.079.198
<b>- Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>943.810.000</b>	<b>1.648.802.925</b>
Tượng đồng Bác Hồ trước nhà truyền thống	92.404.000	92.404.000
Chi phí làm chứng chỉ quản lý rừng bền vững Việt Nam(VFCS) GD 2	-	452.888.819
Chi phí làm chứng chỉ VFCS, chứng chỉ DDS, chứng chỉ CoC theo VFCS (GD1)	-	252.104.106
Hệ thống quản lý ERP	851.406.000	851.406.000
<b>- Chi phí xây dựng cơ bản khác</b>	<b>4.423.124.851</b>	<b>4.391.144.851</b>
Trồng cây gỗ mù năm 2018	1.090.160.499	1.082.465.499
Trồng cây gỗ mù năm 2019	1.915.982.345	1.912.247.345
Trồng cây gỗ mù năm 2020	1.416.982.007	1.396.432.007
<b>- Chi phí xây dựng tại Chi nhánh Unifarm</b>	<b>11.288.364.670</b>	<b>1.998.498.601</b>
Chi phí mua thiết bị phục vụ dự án	-	270.900.000
Dự án đầu tư trồng chuối tại Minh Tân	11.288.364.670	1.727.598.601
<b>Cộng</b>	<b>427.441.875.891</b>	<b>483.509.889.032</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>907.868.306.225</b>	<b>(774.159.595)</b>		<b>900.853.306.225</b>	<b>(774.159.595)</b>	
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Kratie	245.045.149.051	-	(i)	245.045.149.051	-	(i)
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Campuchia	260.705.246.203	-	(i)	260.705.246.203	-	(i)
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Lào Cai	154.651.651.943	(716.713.749)	(i)	147.636.651.943	(716.713.749)	(i)
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Lai Châu	142.836.018.010	(57.445.846)	(i)	142.836.018.010	(57.445.846)	(i)
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	47.252.289.433	-	(i)	47.252.289.433	-	(i)
Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	14.069.946.925	-	(i)	14.069.946.925	-	(i)
Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	43.308.004.660	-	(i)	43.308.004.660	-	(i)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>368.345.953.553</b>	<b>(27.085.902.067)</b>		<b>368.345.953.553</b>	<b>(27.085.902.067)</b>	
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	368.345.953.553	(27.085.902.067)	(i)	368.345.953.553	(27.085.902.067)	(i)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>268.838.518.515</b>	<b>(10.331.754.157)</b>		<b>268.838.518.515</b>	<b>(10.331.754.157)</b>	
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	158.352.826.093	-	(i)	158.352.826.093	-	(i)
Công ty Cổ phần Quasa Geruco	110.485.692.422	(10.331.754.157)	(i)	110.485.692.422	(10.331.754.157)	(i)
<b>Cộng</b>	<b>1.545.052.778.293</b>	<b>(38.191.815.819)</b>		<b>1.538.037.778.293</b>	<b>(38.191.815.819)</b>	

**Giá trị hợp lý**

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.090.893.945	1.145.106.933
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.652.455.426	3.920.664.046
Chi phí sửa chữa lớn không đủ tiêu chuẩn TSCĐ	1.191.094.679	1.514.056.552
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.765.804.883	4.653.711.171
<b>Cộng</b>	<b>15.700.248.933</b>	<b>11.233.538.702</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.082.745.031</b>	<b>3.082.745.031</b>	<b>5.637.789.852</b>	<b>5.637.789.852</b>
Tạp chí Cao su Việt Nam	223.300.000	223.300.000	70.840.000	70.840.000
Công ty Cổ phần Vận tải Cơ khí Cao su Dầu tiếng	2.859.445.031	2.859.445.031	3.720.426.742	3.720.426.742
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	-	-	1.846.523.110	1.846.523.110
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>28.171.133.735</b>	<b>28.171.133.735</b>	<b>23.776.963.846</b>	<b>23.776.963.846</b>
Cty CP F.A	3.441.870.860	3.441.870.860	4.379.858.728	4.379.858.728
Phải trả nhà cung cấp của CN Unifarm	7.045.056.997	7.045.056.997	1.376.716.222	1.376.716.222
Phải trả nhà cung cấp của bệnh viện	4.948.630.957	4.948.630.957	6.284.524.250	6.284.524.250
Phải trả cho người bán là các đối tượng khác	12.735.574.921	12.735.574.921	11.735.864.646	11.735.864.646
<b>Cộng</b>	<b>31.253.878.766</b>	<b>31.253.878.766</b>	<b>29.414.753.698</b>	<b>29.414.753.698</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>24.724.692.539</b>	<b>16.661.990.506</b>
Công ty TNHH Sản Xuất Cao su Liên Anh	-	6.395.817.591
Công ty TNHH KD Global	1.158.630.480	1.521.658.717
Công ty TNHH MTV Đặng Thái Gia	2.663.216.106	203.538.188
Công ty TNHH Nam Long	3.167.850.000	1.018.395.000
Công ty TNHH Thương Mại Minh Hiển	4.291.202.668	-
Người mua trả trước của bệnh viện	7.060.912.286	4.331.330.643
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	6.382.880.999	3.191.250.367
<b>Cộng</b>	<b>24.724.692.539</b>	<b>16.661.990.506</b>



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.13 Thuế và các khoản thuế phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021		Phát sinh trong kỳ		30/06/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	6.395.584.362	-	4.961.306.992	10.949.480.535	407.410.819	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	22.481.313	22.481.313	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.814.320.936	-	16.044.853.725	21.686.559.334	10.172.615.327	-
Thuế thu nhập cá nhân	70.792.901	-	1.263.030.561	773.651.924	560.171.538	-
Thuế tài nguyên	14.363.050	-	389.128.930	389.783.320	13.708.660	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	575.141.967	-	14.998.223.369	20.577.749.074	1.263.576.903	6.267.960.641
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.003.599	-	49.524.978	49.035.592	1.492.985	-
<b>Cộng</b>	<b>22.871.206.815</b>	<b>-</b>	<b>37.731.549.868</b>	<b>54.451.741.092</b>	<b>12.418.976.232</b>	<b>6.267.960.641</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 5%, hàng hóa và dịch vụ khác là 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ các quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2019 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính, Văn bản số 2821/TCT-DNL ngày 19/07/2018 và Văn bản số 3941/TCT-DNL ngày 15/10/2018 của Tổng Cục Thuế về việc ưu đãi thuế suất đối với hoạt động chế biến nông sản, theo đó:

- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động trồng trọt, khai thác mù cưa su tươi thì phần thu nhập này được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất 15%;
- Công ty có phát sinh thu nhập của hoạt động sơ chế hoặc gia công sơ chế mù cưa su (bao gồm cả tự trồng và thu mua của tiểu điền) thành các sản phẩm được xác định là mù cưa su sơ chế theo hướng dẫn tại Công văn số 7193/BTC-TCT ngày 30/04/2014 của Bộ Tài Chính thì khoản thu nhập này không thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chế biến nông sản;
- Công ty có phát sinh thu nhập từ hoạt động thu mua mù cưa su về để bán thì thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	482.240.371	582.552.143
Trích trước chi phí kiểm toán	150.000.000	150.000.000
trích trước chi phí vận chuyển mũ	-	88.905.600
Trích trước chi phí kiểm kê và giám sát cưa cắt gốc và mố gốc, dọn cành rế các lô	-	162.686.640
Trích trước chi phí BVTS	-	221.416.360
Trích trước chi phí bón phân 6 tháng đầu năm	6.548.189.184	-
Chi phí khác	42.795.517	78.110.100
<b>Cộng</b>	<b>7.223.225.072</b>	<b>1.283.670.843</b>

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện****5.15.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	8.264.307.942	2.270.525.149
<b>Cộng</b>	<b>8.264.307.942</b>	<b>2.270.525.149</b>

**5.15.2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê hạ tầng, khu dân cư	1.407.843.668	-
<b>Cộng</b>	<b>1.407.843.668</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.16 Phải trả khác****5.16.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>61.023.757.499</b>	<b>83.408.756.791</b>
Các khoản phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	56.650.859.640	8.948.782.336
- Quỹ khen thưởng phúc lợi tập trung	4.081.062.402	4.882.018.880
- Lợi nhuận tập trung	48.893.939.058	-
- Phí quản lý ngành	3.675.858.180	4.066.763.456
Nhận ký quỹ ký cược	4.372.897.859	2.849.974.455
- Công ty CP Gỗ Dầu Tiếng	1.890.235.260	1.673.454.655
- Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	-	509.119.800
- Công ty CP CB-XNK Gỗ Tây Ninh	718.783.299	-
- Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	543.268.350	-
- Công ty CP Cao su Trường Phát	492.417.750	-
- Công ty CP Vận Tải Cơ Khí Cao Su Dầu tiếng	728.193.200	667.400.000
Phải trả Cty CP Nông nghiệp U&I (Dự án Dầu Tiếng-Unifarm)	-	71.610.000.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>37.491.883.983</b>	<b>35.480.673.967</b>
Kinh phí công đoàn	1.736.942.429	614.294.423
Phải trả về Cổ phần hóa	2.001.168.147	2.001.168.147
Phải trả bảo hiểm xã hội	5.287.003.337	4.413.975.560
Nhận ký quỹ ký cược	3.602.762.893	3.203.718.923
Dự án nhà ở An Tây (i)	21.457.099.847	21.457.099.847
Các khoản phải trả tại Bệnh viện Công ty	939.446.018	939.446.018
Các khoản phải trả khác tại Chi nhánh Unifarm	735.656.589	129.245.183
Phải trả về phí hoa hồng MG	61.674.643	124.844.878
Phải trả khác	1.670.130.080	2.596.880.988
<b>Cộng</b>	<b>98.515.641.482</b>	<b>118.889.430.758</b>

(i) Số tiền được bồi thường theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu nhà ở nông thôn An Tây tại xã An Tây, thị xã Bến Cát và xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng.

- Diện tích thu hồi: 300.000 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 934123 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 90/12/2009;
- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm và đường lộ;
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 01/12/2046;
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;
- Tổng kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 21.886.241.844 đồng. Trong đó:
  - + Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 21.457.099.847 đồng;
  - + Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư: 429.141.997 đồng.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.16.2. Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>123.194.051.376</i></b>	<b><i>106.738.858.897</i></b>
Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần về ứng vốn kinh doanh	103.235.000.000	103.235.000.000
Phải trả Cty CP Nông nghiệp U&I (Dự án Dầu Tiếng-Unifarm) (i)	19.959.051.376	3.503.858.897
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b><i>4.583.603.911</i></b>	<b><i>4.583.603.911</i></b>
Nhận ký quỹ ký cược	4.583.603.911	4.583.603.911
<b>Cộng</b>	<b><u>127.777.655.287</u></b>	<b><u>111.322.462.808</u></b>

(i) Phải trả về khoản tiền tạm ứng theo Biên bản thỏa thuận số 1162/BB-CSĐT-AD ngày 29/10/2019 giữa Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng (bên A) và Công ty CP Công nghiệp An Điền (bên B) về việc thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ khi giao đất thực hiện Dự án Khu công nghiệp Rạch Bắp mở rộng giai đoạn 2 (360ha). Nội dung hợp đồng:

- Bên A trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương làm chủ đầu tư Dự án Khu công nghiệp Rạch Bắp mở rộng giai đoạn 2 theo tổng mức đầu tư với đơn giá bồi thường là 941.778.917 đồng/ha;
- Bên B sẵn sàng cung cấp diện tích đất nông nghiệp để phục vụ cho việc thực hiện dự án;
- Ngay sau khi hai bên ký Biên bản thỏa thuận, bên B tạm ứng cho bên A 85% giá trị tạm tính là 288.184.000.000 đồng;
- Trường hợp bên B không được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc UBND tỉnh Bình Dương không giao bên B là chủ đầu tư dự án thì bên A sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng 85% và các khoản lãi ngân hàng phát sinh.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính****5.17.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>61.411.052.170</b>	<b>61.411.052.170</b>	<b>111.411.052.170</b>	<b>50.000.000.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (i)	61.411.052.170	61.411.052.170	111.411.052.170	50.000.000.000	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>27.911.560.000</b>	<b>27.911.560.000</b>	-	<b>27.911.560.000</b>	<b>55.823.120.000</b>	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (ii)	27.911.560.000	27.911.560.000	-	27.911.560.000	55.823.120.000	-
<b>Cộng</b>	<b>89.322.612.170</b>	<b>89.322.612.170</b>	<b>111.411.052.170</b>	<b>77.911.560.000</b>	<b>55.823.120.000</b>	-

**5.17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>362.824.143.575</b>	<b>362.824.143.575</b>	-	-	<b>362.824.143.575</b>	<b>362.824.143.575</b>
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (ii)	362.824.143.575	362.824.143.575	-	-	362.824.143.575	362.824.143.575
<b>Nợ dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>362.824.143.575</b>	<b>362.824.143.575</b>	-	-	<b>362.824.143.575</b>	<b>362.824.143.575</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**Thông tin chi tiết các khoản vay:**

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0083/2038/N-CTD ngày 31/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng với các điều khoản chi tiết như sau: Giới hạn cấp tín dụng: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng); Thời hạn Hiệu lực của Giới hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nếu hết thời hạn hiệu lực mà Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng không sử dụng hoặc sử dụng không hết thì Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng không được tiếp tục sử dụng Giới hạn cấp tín dụng; Mục đích sử dụng khoản tiền vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (nhưng không bao gồm nhu cầu khẩn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư TSCĐ); Thời hạn vay: 6 tháng; Thời hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ; Thời hạn trả lãi tiền vay: Ngày 26 hàng tháng; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp; Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2021 là 61.411.052.170 VND.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 332/2020/HĐCV ngày 25/06/2020. Hạn mức tín dụng: 430.000.000.000 VND; Mục đích vay vốn: Hoàn vốn đã đầu tư chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm 2019; Thời hạn: 96 tháng; Lãi suất: 8,1%/năm; Biện pháp bảo đảm khoản vay: Thế chấp tài sản. Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2021 là 390.735.703.575 VND, số gốc phải trả trong 1 năm là 27.911.560.000 VND.

**5.17.3. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.18. Vốn chủ sở hữu****5.18.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2020</b>	<b>2.530.772.124.994</b>	<b>28.012.935.384</b>	<b>2.558.785.060.378</b>
Tăng trong năm trước	-	166.776.359.208	166.776.359.208
Lãi trong năm trước		166.776.359.208	166.776.359.208
Giảm trong năm trước	-	(147.732.520.670)	(147.732.520.670)
Trích quỹ KTPL, thưởng BQL		(97.982.498.288)	(97.982.498.288)
Phân phối lợi nhuận		(49.750.022.382)	(49.750.022.382)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.530.772.124.994</b>	<b>47.056.773.922</b>	<b>2.577.828.898.916</b>
<b>Năm nay</b>			
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>2.530.772.124.994</b>	<b>47.056.773.922</b>	<b>2.577.828.898.916</b>
Tăng trong kỳ	-	74.291.621.123	74.291.621.123
Lãi trong kỳ		74.291.621.123	74.291.621.123
Giảm trong kỳ	-	(59.225.207.276)	(59.225.207.276)
Phân phối lợi nhuận		(59.225.207.276)	(59.225.207.276)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>2.530.772.124.994</b>	<b>62.123.187.769</b>	<b>2.592.895.312.763</b>

Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN theo điều 8 của Công văn số 4035/CSVN-TCKT ngày 16/12/2020 về việc hướng dẫn lập Báo cáo tài chính năm 2020.

**5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.530.772.124.994	2.530.772.124.994
<b>Cộng</b>	<b>2.530.772.124.994</b>	<b>2.530.772.124.994</b>

**5.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.530.772.124.994	2.530.772.124.994
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	2.530.772.124.994	2.530.772.124.994

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**5.18.4. Phân phối lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Ghi chú
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	47.056.773.922	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	74.291.621.123	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong kỳ	121.348.395.045	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(59.225.207.276)	(6) = (7)
- <i>Nộp lợi nhuận về Tập đoàn</i>	(59.225.207.276)	(7)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>62.123.187.769</b>	(8) = (5) + (6)

**5.19 Nguồn kinh phí**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	-	(1.430.646.000)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	1.430.646.000
Chi sự nghiệp	-	-
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**

	30/06/2021	01/01/2021
a. Ngoại tệ các loại		
- <i>Dollar Mỹ (USD)</i>	672.068,52	814.039,24

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Doanh thu bán mũ cao su thành phẩm	512.927.010.633	378.066.825.332
Doanh thu khoán khai thác	375.578.016	6.686.363.637
Doanh thu bán vật tư	1.381.965.455	826.609.455
Doanh thu hoạt động bệnh viện	15.873.807.576	16.240.431.843
<b>Cộng</b>	<b>530.558.361.680</b>	<b>401.820.230.267</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>33.399.380.675</b>	<b>12.824.423.955</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Chiết khấu thương mại	578.383.128	914.965.460
<b>Cộng</b>	<b>578.383.128</b>	<b>914.965.460</b>



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

6.3	Giá vốn bán hàng	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
		đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
		VND	VND
	Giá vốn hàng bán mũ cao su thành phẩm	415.444.301.633	359.086.370.890
	Giá vốn khoán khai thác	112.336.719	1.820.317.837
	Giá vốn bán vật tư	1.130.443.513	68.041.247
	Giá vốn hoạt động bệnh viện	15.883.796.660	14.715.074.683
	<b>Cộng</b>	<b>432.570.878.525</b>	<b>375.689.804.657</b>
6.4	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
		đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	808.594.592	1.908.691.937
	Lãi chênh lệch tỷ giá	537.382.812	1.365.220.517
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.830.000.000	8.429.328.000
	<b>Cộng</b>	<b>3.175.977.404</b>	<b>11.703.240.454</b>
	<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>1.830.000.000</b>	<b>8.424.000.000</b>
6.5	Chi phí hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
		đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
		VND	VND
	Lãi tiền vay	10.451.957.069	2.495.241.240
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	300.835.251	441.170.825
	<b>Cộng</b>	<b>10.752.792.320</b>	<b>2.936.412.065</b>
6.6	Chi phí bán hàng	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
		đến ngày 30/06/2021	đến ngày 30/06/2020
		VND	VND
	Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	50.507.745	131.034.031
	Chi phí kiểm định	-	121.932.341
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.467.080.313	2.642.133.841
	Chi phí khác bằng tiền	1.406.098.117	1.484.078.284
	<b>Cộng</b>	<b>3.923.686.175</b>	<b>4.379.178.497</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.103.959.598	19.476.268.371
Chi phí vật liệu quản lý	580.938.818	837.747.571
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	433.712.554	604.108.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.577.302.676	2.606.632.003
Thuế, phí và lệ phí	359.445.816	424.765.333
Chi phí trợ cấp mất việc làm	5.179.523.615	7.122.650.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.159.686.689	2.205.657.055
Chi phí khác bằng tiền	7.359.219.257	6.479.702.359
<b>Cộng</b>	<b>36.753.789.023</b>	<b>39.757.532.333</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Thu nhập từ cây cao su thanh lý	33.231.619.072	98.029.827.521
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	705.769.000	-
Thu nhập từ bán phế liệu	131.516.951	86.076.759
Thu nhập từ hoạt động hợp tác trồng mía	-	3.798.000.000
Thu nhập từ bán mũ tận thu	1.162.007.435	511.575.800
Thu nhập từ khai thác nước	111.132.000	-
Phí phục hồi hạ tầng	554.040.000	1.224.325.000
Quý BHXH Cao su hỗ trợ	-	1.071.144.328
Thu nhập từ sử dụng hạ tầng	3.710.245.455	3.946.810.000
Thu bồi thường, hỗ trợ	-	160.077.992
Thu nhập từ hoạt động hợp tác trồng chuối	479.600.000	-
Thu nhập hoạt động trồng xen canh	2.216.515.434	-
Thu nhập khác	288.561.806	4.764.793.246
<b>Cộng</b>	<b>42.591.007.153</b>	<b>113.592.630.646</b>
<b>Thu nhập khác phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>23.731.323.339</b>	<b>92.074.865.000</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Chi phí vườn nhân	-	885.838.724
Chi phí bán phế liệu	40.878.029	22.704.305
Chi phí thanh lý vườn cây kiến thiết cơ bản	-	3.863.255.066
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	24.526.291	10.035
Chi phí sửa chữa đường lô	1.014.233.591	2.180.040.087
Chi phí vận chuyển mũ rời	-	7.459.200
Các khoản khác	329.704.307	607.945.612
<b>Cộng</b>	<b>1.409.342.218</b>	<b>7.567.253.029</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
<b>I. Hoạt động kinh doanh chính</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90.336.474.848</b>	<b>95.870.955.326</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.532.114.237	2.986.703.522
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.830.000.000	8.429.328.000
<b>Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>92.038.589.085</b>	<b>90.428.330.848</b>
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 15%	44.072.826.812	(14.765.693.934)
Thu nhập từ HĐKD bệnh viện chịu thuế suất 10%		(421.367.926)
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	47.965.762.273	105.615.392.708
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</b>	<b>16.204.076.475</b>	<b>18.866.087.659</b>
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 15%	6.610.924.022	(2.214.854.090)
Chi phí thuế HĐKD bệnh viện chịu thuế suất 10%	-	(42.136.793)
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	9.593.152.453	21.123.078.542
<b>II. Giảm trừ khoản chi cho lao động nữ</b>	<b>159.222.750</b>	<b>291.677.250</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ</b>	<b>16.044.853.725</b>	<b>18.574.410.409</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	15.814.320.936	37.812.436.166
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	21.686.559.334	37.812.436.166
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>10.172.615.327</b>	<b>18.574.410.409</b>

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.842.111.477	95.887.328.825
Chi phí nhân công	206.433.967.829	157.253.656.499
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	10.501.658.332	12.314.132.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.309.744.526	16.323.228.245
Thuế, phí và lệ phí	359.445.816	424.765.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.463.483.709	17.602.169.145
Chi phí khác bằng tiền	41.731.044.601	37.887.109.365
<b>Cộng</b>	<b>522.641.456.290</b>	<b>337.692.389.830</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	111.411.052.170	198.066.724.912
<b>Cộng</b>	<b>111.411.052.170</b>	<b>198.066.724.912</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	77.911.560.000	120.336.929.722
<b>Cộng</b>	<b>77.911.560.000</b>	<b>120.336.929.722</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty:

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2021		30/06/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	221.626.904.994	-	121.173.918.861	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	188.925.189.453	-	86.978.988.897	-
Đầu tư dài hạn	1.538.037.778.293	(38.191.815.819)	1.545.052.778.293	(38.191.815.819)
<b>Cộng</b>	<b>1.948.589.872.740</b>	<b>(38.191.815.819)</b>	<b>1.753.205.686.051</b>	<b>(38.191.815.819)</b>

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2021	30/06/2021
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	259.626.647.264	257.547.175.535
Chi phí phải trả	1.283.670.843	7.223.225.072
Vay và nợ	418.647.263.575	452.146.755.745
<b>Cộng</b>	<b>679.557.581.682</b>	<b>716.917.156.352</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Mẫu số B 09 - DN****i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2021	Từ 01 năm	Trên 01 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	trở xuống	đến 05 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	221.626.904.994	-	-	221.626.904.994
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.394.297.542	7.230.891.911	15.300.000.000	188.925.189.453
Đầu tư dài hạn	-	-	1.538.037.778.293	1.538.037.778.293
<b>Cộng</b>	<b>388.021.202.536</b>	<b>7.230.891.911</b>	<b>1.553.337.778.293</b>	<b>1.948.589.872.740</b>
Tại ngày 30/06/2021	Từ 01 năm	Trên 01 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	trở xuống	đến 05 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	121.173.918.861	-	-	121.173.918.861
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.448.096.986	7.000.000.000	15.530.891.911	86.978.988.897
Đầu tư dài hạn	-	-	1.545.052.778.293	1.545.052.778.293
<b>Cộng</b>	<b>185.622.015.847</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>1.560.583.670.204</b>	<b>1.753.205.686.051</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	148.304.184.456	-	111.322.462.808	259.626.647.264
Chi phí phải trả	1.283.670.843	-	-	1.283.670.843
Vay và nợ	55.823.120.000	362.824.143.575	-	418.647.263.575
<b>Cộng</b>	<b>205.410.975.299</b>	<b>362.824.143.575</b>	<b>111.322.462.808</b>	<b>679.557.581.682</b>
Tại ngày 30/06/2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	129.769.520.248	-	127.777.655.287	257.547.175.535
Chi phí phải trả	7.223.225.072	-	-	7.223.225.072
Vay và nợ	89.322.612.170	279.115.600.000	83.708.543.575	452.146.755.745
<b>Cộng</b>	<b>226.315.357.490</b>	<b>279.115.600.000</b>	<b>211.486.198.862</b>	<b>716.917.156.352</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
	VND	VND
Thu nhập bao gồm tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	1.394.837.600	1.271.487.200
Tiền thưởng	9.000.000	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.394.837.600</b>	<b>1.279.487.200</b>

*Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác****Danh sách bên liên quan của Công ty**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa điểm</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	TP.Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Công ty con	Bình Dương
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Công ty con	Bình Dương
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Công ty con	Lào Cai
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lai Châu	Công ty con	Lai Châu
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia	Công ty con	Campuchia
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Kratie	Công ty con	Campuchia
Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	Công ty liên kết	Bình Dương
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Công ty liên kết	CHDCND Lào
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Đầu tư góp vốn dài hạn	CHDCND Lào
Công ty Cổ phần Quasa Geruco	Đầu tư góp vốn dài hạn	CHDCND Lào
Công ty Cổ phần VRG - Khải Hoàn	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Viện Nghiên cứu Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP.Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP.Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần CB XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn	Tây Ninh
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty CP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP.Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG ĐỒNG WHA	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Công ty cùng Tập đoàn	Kiên Giang
Công ty Cổ phần Gỗ Lộc Ninh	Công ty cùng Tập đoàn	Lộc Ninh
Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Cao su Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn	Đồng Nai
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Cao su Phú Thịnh	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Tạp chí Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP.Hồ Chí Minh
Trường Cao đẳng CN Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty Cổ phần Cơ Khí Cao Su	Công ty cùng Tập đoàn	TP.Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp U&I	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương

**Giao dịch với các bên liên quan****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021</b>	<b>Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.876.814.550	2.925.235.555
Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	29.522.566.125	9.895.601.400
Viện Nghiên cứu Cao su	-	3.587.000
<b>Cộng</b>	<b>33.399.380.675</b>	<b>12.824.423.955</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
<b>Doanh thu từ cổ tức</b>	<b>1.830.000.000</b>	<b>8.424.000.000</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp An Điền	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	1.830.000.000	1.525.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	-	1.799.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.830.000.000</b>	<b>8.424.000.000</b>

**Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
<b>Thu nhập từ bán cây cao su thanh lý</b>	<b>23.239.761.339</b>	<b>89.171.615.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su	-	4.255.053.000
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	4.050.246.639	17.661.399.000
Công ty Cổ phần CB XNK Gỗ Tây Ninh	4.791.888.661	16.499.113.000
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	4.050.246.639	1.745.076.000
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	10.347.379.400	24.259.196.000
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Đông Wha	-	17.995.859.000
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	-	6.755.919.000
<b>Thu nhập từ khai thác mặt nước</b>	<b>111.132.000</b>	-
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	111.132.000	-
<b>Thu nhập từ phí phục hồi hạ tầng</b>	<b>380.430.000</b>	<b>2.903.250.000</b>
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	150.930.000	740.985.000
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	75.900.000	491.260.000
Công ty Cổ phần CB XNK Gỗ Tây Ninh	74.610.000	477.015.000
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	78.990.000	263.130.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su	-	128.975.000
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Đông Wha	-	611.170.000
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	-	190.715.000
<b>Cộng</b>	<b>23.731.323.339</b>	<b>92.074.865.000</b>

**Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng - mua vật tư, vận chuyển mũ	9.912.633.117	8.671.068.537
Tạp chí Cao su Việt Nam - mua tạp chí và tem các loại	553.150.000	333.210.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Phí quản lý ngành	3.166.430.515	2.215.570.154
Viện Nghiên cứu Cao su - Phí kiểm phẩm và các dịch vụ khác	988.745.800	1.614.542.826
Trường Cao đẳng CN Cao su	304.000.000	4.200.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư và chi phí sửa chữa	-	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.924.959.432</b>	<b>12.918.591.517</b>



**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**Chi khác cho các bên liên quan**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần - Cổ tức phải trả	59.225.207.276	68.938.395.470
Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Lào Cai - Góp vốn kinh doanh	7.015.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.240.207.276</b>	<b>73.938.395.470</b>

**Các giao dịch khác**

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 VND	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	718.783.299	2.474.867.750
Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	1.552.106.910	3.063.950.400
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	-	1.013.387.850
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	492.417.750	1.359.144.519
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	543.268.350	993.530.850
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	-	3.196.400.000
Công ty Cổ phần ĐT-XD Cao su Phú Thịnh - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	-	10.859.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su - Nhận tiền ký quỹ, ký cược	-	638.258.000
Công ty Cổ phần Vận Tải Cơ Khí Cao Su Dầu tiếng - Nhận ký quỹ, ký cược	728.193.200	650.400.000
<b>Cộng</b>	<b>4.034.769.509</b>	<b>13.400.798.769</b>

**Công nợ với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9.3 Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

**9.4 Thông tin về hoạt động liên tục**


Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.


**9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**9.6 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế. Riêng số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

  
\_\_\_\_\_  
**Người lập biểu**  
**Trần Ngọc Diễm**  
Bình Dương, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 07 năm 2021

  
\_\_\_\_\_  
**Kế toán trưởng**  
**Hồng Chí Bình**

  
\_\_\_\_\_  
**Tổng Giám đốc**  
**Nguyễn Quốc Việt**



Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế  
Đ/C: P.1409 CT1-C14 Bắc Hà, Đường Tố Hữu,  
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội  
ĐT: 024 666 42481  
Email: admin@iav.com.vn

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế - CN TP. Hồ Chí Minh.  
Đ/C: Số 90/5 Đường Yên Thế, Phường 2,  
Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh  
ĐT: 028 2249 7766  
Email: iavhcm@iav.com.vn